

Số: 144/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1035/QĐ-KĐCL ngày 21/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên 31;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-KĐCL ngày 27/11/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp 31 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp 31 ngày 19/12/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 46 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 92%,

trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

QU
TF
K
CH
G

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 144/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7							
Tiêu chí 1.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 7.1	4	4.00	5	100%			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4						
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4						
Tiêu chuẩn 2				Tiêu chí 7.4	4							
Tiêu chí 2.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.5	4						
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8							
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4.20	5	100%			
Tiêu chuẩn 3				Tiêu chí 8.2	4							
Tiêu chí 3.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 8.4	5						
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4						
Tiêu chuẩn 4												
Tiêu chí 4.1	4	4.33	3	100%	Tiêu chuẩn 9							
Tiêu chí 4.2	5				Tiêu chí 9.1	4	3.80	4	80%			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.2	3						
Tiêu chuẩn 5				Tiêu chí 9.3	4							
Tiêu chí 5.1	4	3.80	4	80%	Tiêu chí 9.4	4						
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 9.5	4						
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chuẩn 10							
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.1	4	4.00	6	100%			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.2	4						
Tiêu chuẩn 6				Tiêu chí 10.3	4							
Tiêu chí 6.1	4	4.00	7	100%	Tiêu chí 10.4	4						
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 10.6	4						
Tiêu chuẩn 11												
Tiêu chí 6.4	4				4.00	7	100%	Tiêu chí 11.1	4	3.80	4	80%
Tiêu chí 6.5	4							Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4							Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	4	Tiêu chí 11.4	4									
					Tiêu chí 11.5	3						
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt							
		46			92%							

JN
M
TI
ÁO

12

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN

CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

*(Kèm theo Nghị quyết số: 144/NQ-HĐKĐCL ngày 20 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân (CTĐT) của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, phù hợp với mục tiêu của CTĐT. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được rà soát, cập nhật trên cơ sở ý kiến các bên liên quan và được công khai bằng nhiều hình thức. Bản mô tả CTĐT có đủ thông tin chính về CTĐT, được cập nhật khi chỉnh sửa CTĐT. Chương trình dạy học được thiết kế dựa theo các chuẩn đầu ra của CTĐT bao gồm tổ hợp các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá. Các học phần thể hiện đóng góp vào chuẩn đầu ra của CTĐT, được sắp xếp logic phù hợp với tiến trình thực hiện CTĐT và được rà soát trên cơ sở tham khảo và đối sánh CTĐT của cơ sở giáo dục khác. Triết lý giáo dục được phổ biến đến các bên liên quan và cơ bản được chuyển tải vào CTĐT. Phương pháp dạy-học đa dạng, phù hợp với đặc thù từng học phần để phát triển các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu và rèn luyện khả năng học tập suốt đời của người học. Phương pháp kiểm tra đánh giá được quy định khá đa dạng, được phổ biến đến người học và được triển khai. Công tác quy hoạch, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được thực hiện, năng lực giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên đáp ứng yêu cầu CTĐT; kết quả thực hiện được quản trị, đánh giá và ghi nhận. Chính sách, phương thức và tiêu chí tuyển sinh rõ ràng, cập nhật. Hệ thống giám sát tiến độ học tập, kết quả học tập đa dạng, hiệu quả; hoạt động hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng nghiên cứu và khởi nghiệp được chú trọng. Cơ sở vật chất, thiết bị thực hành được đầu tư, đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập đảm bảo tính hệ thống; thông tin phản hồi, so chuẩn và đối sánh được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ thời học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm được xác lập, giám sát có kết quả tốt. Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quan tâm. Nhà sử dụng lao động hài lòng với chất lượng người học tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và

đơn vị có CTĐT được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Chú trọng khảo sát, đánh giá nhu cầu của thị trường lao động và lấy ý kiến của nhà sử dụng lao động, chuyên gia để rà soát, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT đảm bảo phù hợp với yêu cầu của các vị trí việc làm; tăng cường đối sánh CTĐT của các cơ sở giáo dục khác khi điều chỉnh để thể hiện sự độc đáo, đặc sắc riêng của CTĐT.

2. Rà soát đề cương các học phần đảm bảo có đầy đủ thông tin, nội dung, thời lượng và thể hiện chuẩn đầu ra học phần kết nối với các chỉ báo của chuẩn đầu ra CTĐT; cập nhật tài liệu học tập thể hiện các xu hướng mới liên quan đến ngành đào tạo, đồng thời quy định và hướng dẫn cụ thể các nội dung tự học trong đề cương học phần; đa dạng hơn nữa hình thức phổ biến bản mô tả CTĐT và đề cương học phần đến các bên liên quan.

3. Tiếp tục rà soát để đảm bảo mức độ phù hợp của các tổ hợp phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; tăng cường hiệu quả đối sánh về chương trình dạy học, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá để tích hợp vào chương trình dạy học những nội dung tiên tiến, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu đặc thù của ngành đào tạo, đặc biệt là các nội dung về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

4. Có hướng dẫn cụ thể để chuyển tải hiệu quả hơn triết lý giáo dục vào các hoạt động dạy và học; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng số cho sinh viên; có hướng dẫn cụ thể các hoạt động tự học của người học, đồng thời có cơ chế giám sát và đánh giá phù hợp các hoạt động này.

5. Rà soát, cụ thể hoá các rubrics đánh giá phù hợp với yêu cầu từng học phần; xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho các học phần của CTĐT; phân tích kết quả đánh giá học phần để xác định độ giá trị, độ tin cậy của đề thi và cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá đảm bảo đánh giá được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT đối với người học.

6. Điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên để đảm bảo tính khả thi có tính đến các yếu tố đặc thù của CTĐT; xác định cụ thể các năng lực để quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên; quan tâm kiểm soát khối lượng giảng dạy; xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công việc và có hướng dẫn quy đổi, đánh giá, ghi nhận kết quả phục vụ cộng đồng của giảng viên; có các chính sách hiệu quả nhằm thúc đẩy hơn nữa hoạt động khoa học công nghệ trong giảng viên.

7. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng phát triển kỹ năng chuyên biệt theo vị trí việc làm và nghiệp vụ chuyên sâu cho đội ngũ nhân viên; có chính sách đánh giá và đãi ngộ gắn với kết quả, hiệu quả công việc; hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, giám sát và đánh giá nhân viên gắn với phát triển năng lực và hướng tới hoàn thiện, tối ưu hóa hoạt động hỗ trợ người học của CTĐT.

AM
TH
NC
C
C

8. Đánh giá hiệu quả của các chính sách, tiêu chí tuyển sinh, đồng thời khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp với đặc thù của CTĐT; triển khai các giải pháp hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động nghiên cứu khoa học của người học; tăng cường giám sát kết quả học tập và khối lượng học tập của người học để kịp thời phát hiện và hỗ trợ những sinh viên gặp khó khăn nhằm khắc phục tình trạng thôi học, tốt nghiệp muộn; quan tâm mở rộng các không gian tự học và đánh giá mức độ hài lòng của người học về môi trường tâm lý, cảnh quan để cải tiến, nâng cao chất lượng.

9. Xây dựng chiến lược phát triển cơ sở vật chất, trong đó lưu ý đến việc phát triển quỹ phòng làm việc, phòng học; xây dựng phòng học đa phương tiện, kết nối trực tuyến và hoàn thiện hệ thống đào tạo trực tuyến; tăng cường xây dựng, rà soát và thẩm định các bài giảng điện tử trực tuyến; lập bản đồ giáo trình của các học phần để làm cơ sở xây dựng kế hoạch biên soạn, mua sắm đáp ứng yêu cầu CTĐT; có giải pháp bổ sung bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến CTĐT.

10. Chú trọng phân tích nhu cầu của các bên liên quan, tăng cường tham khảo các thực hành tốt, các xu hướng mới trong đào tạo của các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước làm căn cứ điều chỉnh toàn diện chương trình dạy học; rà soát, đánh giá mức độ tương thích giữa các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT để cải tiến; đẩy mạnh hoạt động đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học trước khi tốt nghiệp và đo lường các chuẩn đầu ra học phần để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT; có chính sách gắn kết nghiên cứu khoa học với đào tạo, khuyến khích các đề tài, nghiên cứu có giá trị thực tiễn trong việc cải tiến phương pháp dạy, học; phân tích kết quả khảo sát về chất lượng cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ để cải tiến công tác hỗ trợ người học; rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan về tính phù hợp, hiệu quả và chất lượng thông tin thu được để cải tiến chất lượng.

11. Quan tâm đưa chỉ số về kết quả đầu ra thành các chỉ số thực hiện chính KPIs để giám sát, cải tiến thường xuyên; áp dụng phương thức đào tạo cá thể hóa, dạy học hoặc tự học một cách phù hợp thay cho việc tổ chức học kỳ phụ có ít người học đăng ký; đẩy mạnh xây dựng bài giảng, giáo trình điện tử và từng bước chuyển đổi mô hình và lộ trình đào tạo phù hợp với nhu cầu học tập trong kỷ nguyên mới; xem xét đưa môn học khởi nghiệp vào CTĐT hoặc các hoạt động thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của người học.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Giáo dục Công dân gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. *W*